

DỰ THẢO BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP PHÒNG NĂM 2023
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	14
1.1	Kế hoạch CCHC hàng năm	0,5
1.1.1	Triển khai kế hoạch CCHC	
	Triển khai kịp thời: đánh giá 0,5 điểm	
	Không triển khai thực hiện: 0 điểm	
1.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC	1,5
	Hoàn thành 90% - 100% kế hoạch thì tính theo công thức: [Số mục tiêu đã hoàn thành] x 1,5 điểm/[Số mục tiêu đề ra tại Kế hoạch]	
	Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0 điểm	
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC định kỳ (thông qua hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ)	1
	Thực hiện đầy đủ báo cáo CCHC, kiểm soát TTHC định kỳ (báo cáo quý 1, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm): 0, 25 điểm	
	Báo cáo đầy đủ nội dung theo yêu cầu được thêm: 0,5 điểm	
	Tất cả được gửi đúng thời gian quy định được thêm: 0, 25 điểm	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	4
1.3.1	Tổ chức kiểm tra công tác CCHC nội bộ định kỳ	1
	Có thực hiện: 1 điểm	
	Không thực hiện: 0 điểm	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra thuộc thẩm quyền xử lý	1
	Xử lý 90% -100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra thì tính theo công thức:[Số vấn đề đã xử lý] x 1 điểm/ [Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra]	
	Xử lý dưới 90% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 0 điểm	
	Trường hợp qua kiểm tra, tất cả các bộ phận đều tốt, không phát sinh vấn đề cần xử lý: 1 điểm	
1.3.3	Kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1
	Có kiến nghị, báo cáo các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đến cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc không phát hiện vấn đề qua kiểm tra: 1 điểm	
	Không có kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền về các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 0 điểm	
1.3.4	Thực hiện kiểm tra qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	1
	Có tổ chức kiểm tra thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý: 1 điểm	
	Chưa thực hiện: 0 điểm	
1.4	Trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác cải cách hành chính	4
	Triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo về CCHC của Chủ tịch UBND thành phố: 1 điểm	
	Chỉ đạo đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo thẩm quyền hàng tháng: 1 điểm	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
	Tham gia đầy đủ, hiệu quả vai trò thành viên Ban chỉ đạo CCHC thành phố: 2 điểm	
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	3
	Có 03 sáng kiến trở lên: 3 điểm	
	Có 02 sáng kiến: 2 điểm	
	Có 01 sáng kiến: 1 điểm	
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	7
2.1	Tham mưu ban hành văn bản QPPL theo đúng quy trình của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020	2
	Đạt tỷ lệ từ 90% đến 100% thì điểm đánh giá tính theo công thức: $[\text{Số VBQPPL ban hành đúng quy định}] \times 2 \text{ điểm} / [\text{Số VBQPPL đã ban hành}]$	
	Dưới 90% VBQPPL ban hành đúng quy định: 0 điểm	
	Trường hợp đơn vị không tham mưu ban hành văn bản QPPL: 2 điểm	
2.2	Công tác theo dõi thi hành pháp luật	1,5
2.2.1	Mức độ thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật	0,5
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,5 điểm	
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0 điểm	
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1
	Xử lý từ 90% - 100% số vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật thì tính theo công thức: $[\text{Số vấn đề đã xử lý}] \times 1 \text{ điểm} / [\text{Số vấn đề đã phát hiện}]$	
	Dưới 90% số vấn đề đã phát hiện được xử lý: 0 điểm	
	Qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật không có vấn đề phát sinh cần xử lý: 1 điểm	
2.3	Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL do cấp huyện ban hành	2,5
2.3.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	1
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm	
	Hoàn thành dưới 100% Kế hoạch: 0 điểm	
2.3.2	Đề xuất xử lý các văn bản không còn phù hợp	1
	Xử lý từ 100% số văn bản không phù hợp phát hiện qua kiểm tra: 1 điểm	
	Dưới 100% số văn bản không phù hợp đã phát hiện được xử lý: 0 điểm	
	Trong trường hợp không phát sinh văn bản cần xử lý: 1 điểm	
2.4	Đánh giá VBQPPL do đơn vị tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành	1
	Quy định không chồng chéo: 0,25 điểm.	
	Người dân dễ dàng tiếp cận thông tin về quy định, chính sách: 0,5 điểm.	
	Người dân được tham gia đánh giá, ý kiến về quy định, chính sách: 0,25 điểm.	
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	23

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
3.1	Kiểm soát thủ tục hành chính	8,5
3.1.1	Triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC	0,5
	Triển khai kịp thời: 0,5 điểm	
	Không triển khai: 0 điểm	
3.1.2	Đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	4
	Đề xuất phương án đơn giản hóa đạt từ 10% trở lên: 4 điểm	
	Đề xuất phương án đơn giản hóa đạt từ 5% đến dưới 10%: 2 điểm	
	Đề xuất phương án đơn giản hóa đạt dưới 5%: 1 điểm	
	Không đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC: 0 điểm	
3.1.3	Đề xuất cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1
	Đề xuất cung cấp 100% TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến: 1 điểm	
	Dưới 100%: 0 điểm	
3.1.4	Niêm yết thủ tục hành chính theo quy định	1
	Đầy đủ thành phần quy định: 1 điểm	
	Không thực hiện: 0 điểm	
3.1.5	Cung cấp hồ sơ mẫu	2
	Đạt 100% DVC trực tuyến trên Cổng DVC tỉnh, Cổng DVC Quốc gia có hồ sơ mẫu: 1 điểm	
	Đạt 70% TTHC khác có phát sinh hồ sơ có hồ sơ mẫu: 0, 5 điểm	
	Có video hướng dẫn thực hiện TTHC: 0,5 điểm	
3.2	Tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân	3
	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị được giải quyết đạt yêu cầu (nội dung, thời hạn) đạt từ 96% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[Số\ PAKN\ trả\ lời\ đúng\ hạn,\ đạt\ yêu\ cầu] \times 3\ điểm / [Tổng\ số\ PAKN\ tiếp\ nhận]$	
	Dưới 96% PAKN được xử lý đúng hạn: 0 điểm	
	Trường hợp không có PAKN phát sinh trong năm: 3 điểm	
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	11,5
3.3.1	Thực hiện cơ chế một cửa	1
	100% TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: 1 điểm	
3.3.2	Thực hiện cơ chế một cửa liên thông	2,5
	Chủ động liên thông các TTHC không thuộc danh mục: 2,5 điểm	
	Thực hiện liên thông theo yêu cầu chỉ đạo: 2 điểm	
	Không liên thông do không có quy định hoặc không đủ điều kiện: 2 điểm	
3.3.3	Công tác tiếp nhận, trả hồ sơ	4
	100% hồ sơ thực hiện đúng quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ: 2 điểm	
	100% hồ sơ thực hiện đúng quy trình ngừng, trả hồ sơ: 1 điểm	
	100% hồ sơ trễ hạn, đơn vị có văn bản xin lỗi người dân được thêm: 1 điểm	
3.3.4	Công tác giải quyết TTHC	3

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
	Tỷ lệ hồ sơ trả đúng hạn từ 96% đến 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[Số\ hồ\ sơ\ giải\ quyết\ đúng\ hạn] \times 3\ điểm / [Số\ hồ\ sơ\ đã\ giải\ quyết]$	
	Dưới 96% hồ sơ giải quyết đúng hạn: 0 điểm	
3.3.5	Sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động cơ chế một cửa, một cửa liên thông của đơn vị theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ	1
	Có thực hiện: 1 điểm	
	Không thực hiện: 0 điểm	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	10
4.1	Hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ ngành	4
4.1.1	Ban hành quy chế tổ chức hoạt động cơ quan	2
	Đã tham mưu ban hành kịp thời: 2 điểm	
	Không thực hiện: 0 điểm	
	Chưa thực hiện do chưa có hướng dẫn của Bộ, ngành TW hoặc đã ban hành: 2 điểm	
4.1.2	Ban hành quy chế phân công công việc	2
	Đã tham mưu ban hành: 2 điểm	
	Không thực hiện: 0 điểm	
4.2	Thực hiện tinh giản biên chế	2
	Tinh giản biên chế công chức theo chỉ tiêu được phê duyệt: 2 điểm	
	Chưa thực hiện: 0 điểm	
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	4
4.3.1	Thực hiện các nhiệm vụ phân cấp	1
	Có tham mưu đầy đủ theo quy định: 1 điểm	
	Không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đúng quy định: 0 điểm	
	Trường hợp đơn vị không được giao tham mưu phân cấp quản lý: 1 điểm	
4.3.2	Kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ phân cấp do đơn vị tham mưu UBND thành phố triển khai	1
	Kiểm tra đầy đủ theo quy định, kịp thời: 1 điểm	
	Không kiểm tra đầy đủ: 0 điểm	
	Trường hợp đơn vị không được giao tham mưu phân cấp quản lý: 1 điểm	
4.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1
	Xử lý đạt 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 1 điểm	
	Xử lý đạt dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 0 điểm	
	Trường hợp các đơn vị được kiểm tra đều tốt, không phát sinh việc cần xử lý: 1 điểm	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
	Trường hợp đơn vị không được giao tham mưu phân cấp quản lý: 1 điểm	
4.3.4	Khắc phục các vấn đề theo kết luận kiểm tra của cấp có thẩm quyền	1
	Xử lý đạt 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 1 điểm	
	Xử lý đạt dưới 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: 0 điểm	
	Trường hợp các đơn vị được kiểm tra đều tốt, không phát sinh việc cần xử lý: 1 điểm	
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	14
5.1	Xây dựng đề án (hoặc đề án điều chỉnh bổ sung) xác định cơ cấu công chức theo vị trí việc làm trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt	2
	Có đầy đủ, kịp thời: 2 điểm	
	Có xây dựng nhưng chậm trễ: 1 điểm	
	Chưa xây dựng: 0 điểm	
5.2	Tỷ lệ công chức đạt chuẩn chính trị, chuyên môn theo quy định hiện hành	2
	Đạt từ 100%: 2 điểm	
	Dưới 100%: 0 điểm	
5.3	Công tác bố trí, sử dụng công chức	5
5.3.1	Thực hiện chế độ tập sự	1
	Thực hiện chế độ tập sự đúng quy định: 1 điểm	
	Không đúng quy định: 0 điểm	
	Không thực hiện do không có công chức tập sự: 1 điểm	
5.3.2	Bố trí vị trí việc làm	2
	Đạt 100% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức: 2 điểm	
	Đạt dưới 100%: 0 điểm	
5.3.3	Thực hiện bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý đúng quy định	2
	Đề xuất bổ nhiệm lại đúng thời hạn quy định: 2 điểm	
	Đơn vị không có trường hợp bổ nhiệm lại: 2 điểm	
5.4	Quản lý, cập nhật dữ liệu về công chức	3
	Cập nhật đầy đủ: 2 điểm	
	Ứng dụng phần mềm phục vụ công tác cán bộ, công chức: 1 điểm	
5.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2
5.5.1	Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	1
	Ban hành kịp thời: 1 điểm	
	Có ban hành nhưng chậm trễ: 0,5 điểm	
	Không ban hành: 0 điểm	
5.5.2	Chọn cử công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng	1
	Hoàn thành 85% nhu cầu đăng ký trở lên: 1 điểm	
	Hoàn thành từ 50% đến dưới 85% nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng: 0,5 điểm	
	Đạt dưới 50% nhu cầu đào tạo bồi dưỡng: 0 điểm	
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6
6.1	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà	2

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
	nước	
	Không có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá: 1 điểm	
	Có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá: 0 điểm	
6.2	Thực hiện quy định về quản lý tài sản công	2
	Không có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá: 1 điểm	
	Có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá: 0 điểm	
6.3	Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính	2
	Không có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá: 1 điểm	
	Có sai phạm phát hiện trong năm đánh giá: 0 điểm	
7	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	21
7.1	Chuyển đổi số trong hoạt động quản lý hành chính	7
7.1.1	Triển khai kế hoạch phát triển chính quyền số và an toàn an ninh thông tin	0,5
	Có triển khai: 0,5 điểm	
	Chưa triển khai: 0 điểm	
7.1.2	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử	2
	Đạt 98% trở lên văn bản điện tử được ban hành theo đúng Nghị định số 30/2020/NĐ-CP thì điểm tính theo công thức: [Số văn bản điện tử] x 2 điểm/ [Tổng số văn bản phát hành]	
	Đạt dưới 98% bản điện tử được ban hành theo đúng Nghị định số 30/2020/NĐ-CP: 0 điểm	
7.1.3	Tỷ lệ lãnh đạo cấp phòng sử dụng chữ ký số để phê duyệt, điều hành công việc để xử lý, giải quyết công việc.	2
	Đạt 100% lãnh đạo cấp phòng sử dụng: 2 điểm	
	Dưới 100% lãnh đạo cấp phòng sử dụng: 0 điểm	
7.1.4	Lập và lưu trữ hồ sơ công việc điện tử	2,5
	Lập hồ sơ công việc điện tử: 1,5 điểm	
	Lưu trữ hồ sơ công việc điện tử: 1 điểm	
7.2	Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính	14
7.2.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có phát sinh hồ sơ trực tuyến	2
	Đạt trên 50% số TTHC đã cung cấp DVCTT có phát sinh hồ sơ: 2 điểm	
	Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 0 điểm	
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ hồ sơ trực tuyến	5
	Đạt từ 35% hồ sơ TTHC giải quyết dưới dạng DVCTT: 5 điểm	
	Đạt từ 30% - dưới 35% thì tính theo công thức: [Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến] x 5 điểm/35%	
	Đạt dưới 30%: 0 điểm	
7.2.3	Số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	2
	Đạt từ 20% trở lên: 2 điểm	
	Đạt từ 10% đến dưới 20% thì điểm theo công thức: [Tỷ lệ kết quả số hóa x 2]/20%	
	Dưới 10%: 0 điểm	
7.2.4	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được cấp bản điện tử có giá trị pháp lý để	1

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa
	tái sử dụng	
	Đạt từ 30% trở lên: 1 điểm	
	Đạt từ 15% đến dưới 30% thì điểm tính theo công thức: (tỷ lệ cấp bản điện tử x 1)/30%	
	Dưới 15%: 0 điểm	
7.2.5	Sử dụng biên lai điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính	2
	Đã sử dụng biên lai điện tử trong thu phí/lệ phí: 2 điểm	
	Chưa triển khai: 0 điểm	
	Không thực hiện do không tổ chức thu phí, lệ phí: 2 điểm	
7.2.6	Thanh toán trực tuyến	2
	Đạt từ 5% hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí được thanh toán không dùng tiền mặt: 2 điểm	
	Dưới 5%: 0 điểm	
	Trường hợp đơn vị không thu phí, lệ phí trong giải quyết TTHC: 2 điểm	
8	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	5
8.1	Thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch công tác năm	3
	Hoàn thành 100% kế hoạch công tác năm: 3 điểm	
	Hoàn thành 100% kế hoạch nhưng có nhiệm vụ trễ hạn: 2 điểm	
	Hoàn thành 85% đến dưới 100% kế hoạch công tác năm: 1 điểm	
	Hoàn thành dưới 85% kế hoạch công tác năm: 0 điểm	
8.2	Đánh giá tác động của CCHC đến mức độ hài lòng của người dân	2
TỔNG		100